

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MTV IN TÀI CHÍNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

11/07/2010
C
CH
KI

CÔNG TY TNHH MTV IN TÀI CHÍNH

Số 24 Ngõ 115 Phố Trần Cung, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV In Tài Chính (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Bà Trương Thị Dinh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hồng Tuyền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

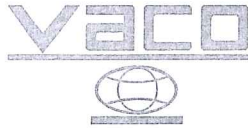
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trương Thị Dinh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2013



Số: 297/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV In Tài Chính

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập ngày 25/06/2013 của Công ty TNHH MTV In Tài Chính (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 21 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến công việc kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2012. Với những tài liệu Công ty cung cấp, chúng tôi cũng không thể xác định được tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 31/12/2012. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2012 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Do hạn chế trong cách theo dõi và hạch toán hàng tồn kho của Công ty, tại ngày 31/12/2012, Công ty thực hiện việc đánh giá các chi phí dở dang trên cơ sở vật tư chính xuất cho các hợp đồng chưa tiêu thụ sản phẩm nên chưa đầy đủ yếu tố xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ (thiếu các chi phí phân bổ cho sản phẩm dở dang). Do đó, giá trị tồn kho cuối kỳ và giá vốn sản xuất trong kỳ chưa được phản ánh hợp lý. Chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về giá vốn hàng bán trong năm và giá trị hàng tồn kho cuối năm.

Tại ngày 31/12/2012, các khoản công nợ phải thu chưa được đối chiếu công nợ là 40% tương ứng với số tiền là 9.912.058.618 đồng. Chúng tôi cũng không thu thập được các bằng chứng kiểm toán cần thiết khác nên chúng tôi không đưa ra ý kiến về sự hiện hữu và đầy đủ của số dư các khoản công nợ phải thu chưa được đối chiếu công nợ nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các số liệu khác được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề sau:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất (theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/12/2008 ký với Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Lữ Gia) với số tiền là 22.393.194.647 đồng. Theo đó, Công ty được quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Tân Bình đến ngày 17/6/2047. Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Lữ Gia cũng đã xuất hóa đơn cho Công ty. Theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 thì tiền thuê đất sẽ được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh, không ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Công ty chưa tách riêng giá trị quyền sử dụng đất để thực hiện phân bổ và tài sản trên đất để hạch toán sang tài sản cố định hữu hình mà đang trình bày chung trên chi tiêu quyền sử dụng đất trong giá trị tài sản cố định vô hình và trích khấu hao.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1403/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2013

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Đã chứng thực: Quyền số: SCT/B:
1748 01
Ngày: 19-03-2014

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG NGHĨA TÂN



PHÓ CHỦ TỊCH
Từ Thị Thủy

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÁU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		94.301.411.039	68.652.252.621
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	34.365.395.284	17.257.365.982
1. Tiền	111		13.865.395.284	13.257.365.982
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.500.000.000	4.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.097.641.312	27.344.858.405
1. Phải thu khách hàng	131	5	25.107.053.188	26.711.188.818
2. Trả trước cho người bán	132	6	9.856.421.599	669.132.762
3. Các khoản phải thu khác	135		126.328.038	429.008.800
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.992.161.513)	(464.471.975)
III. Hàng tồn kho	140	7	25.492.688.094	23.485.120.751
1. Hàng tồn kho	141		25.492.688.094	23.485.120.751
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.345.686.349	564.907.483
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		610.578.563	265.322.835
2. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		562.423.188	38.648.000
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		172.684.598	260.936.648
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		92.633.723.110	113.224.168.141
I. Tài sản cố định	220		92.373.242.116	112.956.699.815
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	39.594.500.821	50.489.002.525
- Nguyên giá	222		236.116.070.586	236.125.407.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(196.521.569.765)	(185.636.405.368)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	23.982.693.088	34.622.579.466
- Nguyên giá	225		75.329.291.978	75.329.291.978
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(51.346.598.890)	(40.706.712.512)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	20.047.293.409	20.643.710.401
- Nguyên giá	228		24.520.849.261	24.520.849.261
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.473.555.852)	(3.877.138.860)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	8.748.754.798	7.201.407.423
II. Tài sản dài hạn khác	260		260.480.994	267.468.326
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		160.480.994	267.468.326
2. Tài sản dài hạn khác	268		100.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		186.935.134.149	181.876.420.762

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÁU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012		31/12/2011
					(trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		70.131.759.518		88.774.184.165
I. Nợ ngắn hạn	310		55.947.357.223		52.722.998.817
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	26.561.046.643		-
2. Phải trả người bán	312	13	11.381.563.662		8.518.152.998
3. Người mua trả tiền trước	313	14	2.077.211.731		21.572.191.335
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	7.661.170.387		5.210.888.307
5. Phải trả người lao động	315		1.487.396.328		4.365.252.457
6. Chi phí phải trả	316		333.986.761		5.653.037.009
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		322.629.878		546.147.697
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.122.351.833		6.857.329.014
II. Nợ dài hạn	330		14.184.402.295		36.051.185.348
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.146.878.700		740.160.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	13.037.523.595		32.954.626.513
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-		2.356.398.835
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		116.803.374.631		93.102.236.597
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	116.803.374.631		93.102.236.597
1. Vốn điều lệ	411		95.658.498.937		78.476.878.364
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.332.232.103		4.793.455.332
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.655.934.811		8.675.758.831
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		72.825.000		72.825.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.083.883.780		1.083.319.070
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		186.935.134.149		181.876.420.762

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công	228.574.230	11.487.030
2. Nợ khó đòi đã xử lý	80.838.470	-
3. Ngoại tệ (USD)	1.303.519	1.459.033



Trương Thị Đình
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2013

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số t minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng	1	193.267.368.407	221.590.910.716
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	13.203.750
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	193.267.368.407	221.577.706.966
4. Giá vốn hàng bán	11	134.863.133.766	167.603.822.344
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20	58.404.234.641	53.973.884.622
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	816.807.085	434.281.828
7. Chi phí tài chính	22	5.502.262.267	11.080.924.641
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		<i>5.502.262.267</i>	<i>11.080.924.641</i>
8. Chi phí bán hàng	24	6.761.290.139	7.509.716.961
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	13.923.626.177	13.337.397.985
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30	33.033.863.143	22.480.126.863
11. Thu nhập khác	31	5.356.662.390	792.911.718
12. Chi phí khác	32	44.125.848	59.224.120
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	5.312.536.542	733.687.598
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	38.346.399.685	23.213.814.461
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	9.586.599.921	5.803.453.615
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60	28.759.799.764	17.410.360.846



Trương Thị Dinh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2013

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	194.746.786.624	247.618.109.618
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(108.183.161.227)	(108.317.746.023)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(24.254.558.377)	(23.642.759.939)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(5.633.227.792)	(8.913.486.248)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(6.104.812.024)	(5.037.016.818)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	9.332.479.165	792.911.718
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(49.816.755.425)	(63.521.644.965)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.086.750.944	38.978.367.343
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(708.158.182)	(1.047.937.397)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	274.454.546	-
3. Tiền chi cho vay, mua sắm công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(34.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	39.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	811.038.269	434.281.828
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	377.334.633	4.386.344.431
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	32.139.048.671	19.199.975.029
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.343.531.690)	(58.672.771.743)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(10.151.573.256)	(6.024.912.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.643.943.725	(45.497.709.442)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	17.108.029.302	(2.132.997.668)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	17.257.365.982	19.390.363.650
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	34.365.395.284	17.257.365.982



Trương Thị Dinh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2013

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV In Tài chính trước đây là Công ty In Tài chính được thành lập theo Quyết định số 240TC/TCCB ngày 27 tháng 4 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Tài chính với tên gọi ban đầu là Nhà In Tài chính, sau đó đổi tên là Công ty In Tài chính theo Quyết định số 925TC/TCCB ngày 17 tháng 8 năm 1995 của Bộ Tài chính.

Trong năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi từ DNNN sang Công ty TNHH MTV và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100111225 ngày 18/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với tên gọi mới là Công ty TNHH MTV In Tài Chính.

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty lần lượt là 95.658.498.937 đồng và 6.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 24 ngõ 115 phố Trần Cung, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Công ty có Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ số 132 đường Cộng Hòa, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2012 là 245 người (tại ngày 31/12/2011 là 244 người).

Ngành nghề kinh doanh

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành in;
- Bán buôn máy in, giấy các loại;
- Bán buôn kẽm thành phẩm;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), ngày 6 tháng 11 năm 2009 về việc hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Do đó, các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính này vẫn được trình bày theo giá gốc. Tuy nhiên, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với những tài sản Công ty nhận do góp vốn thì Công ty thực hiện trích khấu hao dựa trên giá trị còn lại và thời gian sử dụng còn lại. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc, thiết bị	4 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

Công ty đang thực hiện khấu hao nhanh với một số máy móc thiết bị so với khung khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”.

Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao tương ứng với thời gian thuê tài sản là từ 3 đến 5 năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán và quyền sử dụng đất tại Lô 3-16 đường số 13, KCN Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Các tài sản này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao lần lượt là 3 năm và 38 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(trình bày lại) VND
Tiền mặt	361.675.322	483.807.992
Tiền gửi ngân hàng	13.503.719.962	10.235.664.676
Tiền đang chuyển	-	2.537.893.314
Các khoản tương đương tiền (i)	20.500.000.000	4.000.000.000
	34.365.395.284	17.257.365.982

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng cục thuế Hà Nội	10.574.630.000	-
Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh	1.358.450.000	492.000.000
Công ty Cổ Phần VTC Truyền thông trực tuyến	1.075.287.246	1.711.330.456
Ban quản lý chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục	835.575.842	-
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	685.649.250	-
Ban quản lý khu di tích và thắng cảnh Hương Sơn	550.187.000	662.789.600
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	538.927.400	-
Công ty TNHH Dệt Tân Mai	499.940.782	1.284.297.282
Tạp chí Pháp lý	424.309.233	441.384.918
Công ty TNHH Thiết bị giáo dục và đồ chơi Tràng	403.914.080	268.159.000
Các đối tượng khác	8.160.182.355	21.851.227.562
	25.107.053.188	26.711.188.818

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(trình bày lại) VND
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Việt Anh	8.611.671.500	-
Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật Toàn Ấn	753.331.637	-
Công ty CP tư vấn Đầu tư và phát triển kiến trúc IDA	159.489.900	159.489.900
Các đối tượng khác	331.928.562	509.642.862
	9.856.421.599	669.132.762

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(trình bày lại) VND
Nguyên vật liệu	24.938.881.094	22.840.758.284
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	544.207.000	534.298.367
Hàng hóa	9.600.000	110.064.100
Cộng	25.492.688.094	23.485.120.751
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	25.492.688.094	23.485.120.751

CÔNG TY TNHH MTV IN TÀI CHÍNH

Số 24 Ngõ 115 Phố Trần Cung, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09 - DN

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 31/12/2011 (trình bày lại)	44.928.816.628	178.511.849.058	4.903.812.840	7.780.929.367	236.125.407.893
Mua sắm mới	-	23.900.000	-	536.985.455	560.885.455
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	-	570.222.762	570.222.762
Tại ngày 31/12/2012	44.928.816.628	178.535.749.058	4.903.812.840	7.747.692.060	236.116.070.586
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Tại ngày 31/12/2011 (trình bày lại)	27.094.478.926	149.195.377.386	3.289.240.683	6.057.308.373	185.636.405.368
Khấu hao trong năm	2.311.885.189	7.948.329.637	598.458.371	596.713.962	11.455.387.159
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	-	570.222.762	570.222.762
Tại ngày 31/12/2012	29.406.364.115	157.143.707.023	3.887.699.054	6.083.799.573	196.521.569.765
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011 (trình bày lại)	17.834.337.702	29.316.471.672	1.614.572.157	1.723.620.994	50.489.002.525
Tại ngày 31/12/2012	15.522.452.513	21.392.042.035	1.016.113.787	1.663.892.487	39.594.500.821

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 156.000.862.630 đồng (tại ngày 31/12/2011 là 84.666.303.629 đồng).
Giá trị còn lại của tài sản mang đi thế chấp ngân hàng tại ngày 31/12/2012 là 8.371.055.536 đồng (tại ngày 31/12/2011 là 12.004.000.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Máy móc thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 31/12/2011 (trình bày lại)	75.329.291.978	75.329.291.978
Tại ngày 31/12/2012	75.329.291.978	75.329.291.978
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại ngày 31/12/2011 (trình bày lại)	40.706.712.512	40.706.712.512
Khấu hao trong năm	10.639.886.378	10.639.886.378
Tại ngày 31/12/2012	51.346.598.890	51.346.598.890
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2011 (trình bày lại)	34.622.579.466	34.622.579.466
Tại ngày 31/12/2012	23.982.693.088	23.982.693.088

Nguyên giá của những tài sản cố định thuê tài chính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 7.610.154.521 đồng (tại ngày 31/12/2011 là 7.610.154.521 đồng).

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Quyền sử dung đất (i)	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2011	22.393.194.647	2.127.654.614	24.520.849.261
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	22.393.194.647	2.127.654.614	24.520.849.261
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 31/12/2011	1.767.883.789	2.109.255.071	3.877.138.860
Khấu hao trong năm	589.294.596	7.122.396	596.416.992
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	2.357.178.385	2.116.377.467	4.473.555.852
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	20.036.016.262	11.277.147	20.643.710.401
Tại ngày 31/12/2012	20.625.310.858	18.399.543	20.047.293.409

Ghi chú: (i) Công ty đang ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất (theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/12/2008 ký với Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Lữ Gia) với số tiền là 22.393.194.647 đồng. Theo đó, Công ty được quyền sử dụng đất tại KCN Tân Bình đến ngày 17/6/2047.

Nguyên giá của những tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 2.092.042.614 đồng (tại ngày 31/12/2011 là 2.092.042.614 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(trình bày lại) VND
Tại ngày 01 tháng 01	7.201.407.423	4.758.407.062
Tăng trong năm	4.760.636.993	3.238.858.674
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(384.490.909)
Kết chuyển chi phí sửa chữa lớn	(3.213.289.618)	-
Giảm khác	-	(411.367.404)
Tại ngày 31 tháng 12	8.748.754.798	7.201.407.423

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thăng Long (i)	14.018.692.881	-
Vay dài hạn đến hạn trả	2.390.780.506	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	10.151.573.256	-
	26.561.046.643	-

Ghi chú: (i) Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 05/05/2011 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long. Hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng. Thời hạn tối đa cho từng lần nhận nợ là 06 tháng. Thời hạn rút vốn của hợp đồng đến ngày 30/04/2013. Lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ. Hợp đồng tín dụng được bảo đảm bằng tài sản thế chấp. Giá trị theo định giá của tài sản thế chấp là 12.004.000.000 đồng, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác và các khoản thu theo Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Xí nghiệp giấy XZ 72	2.769.365.041	642.998.180
DNTN Sản xuất Thương mại Phùng Vĩnh Hưng	1.855.239.364	1.754.040.860
Công ty TNHH XNK Thuận Phát	1.298.244.407	112.639.090
Công ty Cổ phần DIC số 4	1.266.023.814	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại P.P	610.810.047	2.339.958.313
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư phát triển công nghệ	508.692.030	415.144.163
Công ty TNHH Dịch vụ và xuất nhập khẩu Nam Phương	345.193.134	-
Công ty TNHH Công nghiệp giấy và sản xuất Bờ Ngọc Diệp	336.355.125	266.752.699
Công ty TNHH Chế Bản - In - Thiết Kế - Dịch Vụ	243.000.000	-
Các đối tượng khác	2.148.640.700	2.986.619.693
	11.381.563.662	8.518.152.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng cục thuế Hà Nội - Hợp đồng 1700/2012	692.175.000	-
Các đối tượng khác	1.385.036.731	21.572.191.335
	2.077.211.731	21.572.191.335

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	190.237.292	1.255.523.572
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.391.018.932	3.909.231.035
Thuế thu nhập cá nhân	75.083.163	29.236.700
Các loại thuế khác	4.831.000	16.897.000
	7.661.170.387	5.210.888.307

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty TNHH một thành viên cho thuê Tài chính-Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	7.613.679.951	27.916.826.463
Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Nam Hà Nội (ii)	5.423.843.644	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -CN Thăng Long (iii)	-	5.037.800.050
	13.037.523.595	32.954.626.513

Ghi chú: (i) Nợ dài hạn thuê tài chính theo Hợp đồng thuê tài chính số 18/08/2005/CTTC ngày 15/05/2008. Thời gian thuê từ ngày 07/8/2008 đến ngày 15/8/2014 với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Tài sản thuê là 01 máy in offset năm màu và 01 máy in offset tờ rời; Trị giá gốc tính cho thuê bằng 90% tổng giá trị tài sản tương đương 2.565.720 EUR; Thời hạn cho thuê 6 năm từ ngày bên thuê chuyển khoản tiền đầu tiên cho nhà cung cấp, cứ 3 tháng trả gốc 1 lần theo lịch trả nợ gốc; Lãi cho thuê được tính từ ngày Bên thuê trả khoản tiền đầu tiên cho Bên cung cấp và được tính trên số tiền thực trả; Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần và được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 0,2%/tháng.

Lịch trả nợ cụ thể như sau:

	31/12/2012
	VND
Trong vòng một năm	10.151.573.256
Trong năm thứ hai	7.613.679.951
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-
Sau năm năm	-
	17.765.253.207
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	10.151.573.256
Số phải trả sau 12 tháng	7.613.679.951

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số NHN.DN.01100812 ngày 07/09/2012, số tiền vay là 25.000.000.000 đồng và số tiền đã giải ngân là 6.101.824.100 đồng, thời gian vay là 60 tháng, lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, lịch trả nợ từ tháng 06/2013, cứ 3 tháng trả 1 lần với số tiền là 338.990.228 đồng. Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay này với giá trị định giá là 10.028.000.000 đồng.

Lịch trả nợ cụ thể như sau:

	31/12/2012
	VND
Trong vòng một năm	677.980.456
Trong năm thứ hai	1.355.960.912
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.067.882.732
Sau năm năm	-
	<u>6.101.824.100</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	677.980.456
Số phải trả sau 12 tháng	<u>5.423.843.644</u>

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 0905/2008/HĐTD ngày 9/5/2008; Số tiền vay là 14 tỷ đồng; Thời hạn vay là 60 tháng; Lãi suất thả nổi trả hàng tháng từ ngày 25 đến ngày cuối mỗi tháng. Lịch trả nợ từ tháng 8/2008 đến tháng 5/2013, cứ 3 tháng trả 1 lần với số tiền là 700.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số 1809/2009/HĐTD ngày 18/09/2009; Thời hạn vay là 60 tháng; Lãi suất thả nổi trả hàng tháng từ ngày 25 đến ngày cuối mỗi tháng. Lịch trả nợ từ tháng 10/2009 đến tháng 10/2013, cứ 3 tháng trả 1 lần với số tiền là 516.000.000 đồng. Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay này với giá trị định giá là 10.264.000.000 đồng

Lịch trả nợ cụ thể như sau:

	31/12/2012
	VND
Trong vòng một năm	1.712.800.050
Trong năm thứ hai	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-
Sau năm năm	-
	<u>1.712.800.050</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.712.800.050
Số phải trả sau 12 tháng	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 31/12/2010	69.318.956.619	2.539.724.519	6.934.722.746	150.000.000	1.693.972.192	80.637.376.076
Lãi trong năm	-	-	-	-	17.410.360.846	17.410.360.846
Phân phối lợi nhuận trong năm	9.157.921.745	2.253.730.813	1.741.036.085	-	(17.328.074.803)	(4.175.386.160)
Giảm khác	-	-	-	(77.175.000)	-	(77.175.000)
Số dư tại ngày 31/12/2011	78.476.878.364	4.793.455.332	8.675.758.831	72.825.000	1.083.319.070	93.102.236.597
Lãi trong năm	-	-	-	-	28.759.799.764	28.759.799.764
Phân phối lợi nhuận trong năm (i)	17.181.620.573	2.538.776.771	2.980.175.980	-	(27.759.235.054)	(5.058.661.730)
Số dư tại ngày 31/12/2012	95.658.498.937	7.332.232.103	11.655.934.811	72.825.000	2.083.883.780	116.803.374.631

Đơn vị: VND

Ghi chú: (i) Theo Thông tư số 138/TT-BTC ngày 17/09/2010 của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau: Quỹ đầu tư phát triển là 2.538.776.771 đồng, Quỹ dự phòng tài chính là 2.980.175.980 đồng, Quỹ Khen thưởng phúc lợi là 5.058.661.730 đồng và tăng vốn kinh doanh là 17.181.620.573 đồng.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100111225 ngày 18/10/2010 vốn điều lệ của Công ty là 74.808.000.000 đồng do Bộ Tài chính là chủ sở hữu. Theo Thông tư số 138/TT-BTC ngày 17/09/2010 của Bộ Tài chính, vốn điều lệ được bổ sung từ lợi nhuận hàng năm theo kế hoạch phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty. Tại ngày 31/12/2012, vốn điều lệ đã được góp như sau:

Theo giấy chứng nhận ĐKKD	VND	Vốn đã góp	VND
	31/12/2012		31/12/2011
	VND		VND
Bộ Tài chính	74.808.000.000	95.658.498.937	78.476.878.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	78.159.819.729	100.242.629.951
Chi phí nhân công	26.975.384.363	27.941.798.972
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.135.751.094	27.103.769.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.593.875.583	19.635.103.367
Chi phí khác bằng tiền	14.439.995.543	18.287.430.351
	155.304.826.312	193.210.732.052

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	5.502.262.267	11.080.924.641
	5.502.262.267	11.080.924.641

20. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	272.727.273	37.000.000
Thu từ bán phế liệu	317.912.432	709.904.643
Hoàn nhập quỹ dự trữ mất việc làm	2.243.640.585	-
Hoàn nhập chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	2.500.000.000	-
Thu khác	22.382.100	46.007.075
Thu nhập khác	5.356.662.390	792.911.718
Chi khác	44.125.848	59.224.120
Chi phí khác	44.125.848	59.224.120
Lợi nhuận khác	5.312.536.542	733.687.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	38.346.399.685	23.213.814.461
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	-	-
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	38.346.399.685	23.213.814.461
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.586.599.921	5.803.453.615

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lương, thu nhập khác	1.599.743.510	1.287.576.962

23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2011 đã kiểm toán	31/12/2011 trình bày lại	Chênh lệch	Ghi chú
Tiền	111	17.257.365.982	13.257.365.982	4.000.000.000	(i)
Các khoản tương đương tiền	112	-	4.000.000.000	(4.000.000.000)	(i)
Trả trước cho người bán	132	1.178.370.013	669.132.762	509.237.251	(ii)
Các khoản phải thu khác	135	384.272.242	429.008.800	(44.736.558)	(iii)
Hàng tồn kho	141	23.533.629.990	23.485.120.751	48.509.239	(iv)
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	484.281.922	265.322.835	218.959.087	(iv)
Tài sản ngắn hạn khác	158	259.419.048	260.936.648	(1.517.600)	(iii)
Tài sản cố định hữu hình	221	48.748.972.244	50.489.002.525	(1.740.030.281)	(v)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	36.362.609.747	34.622.579.466	1.740.030.281	(v)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.692.170.172	7.201.407.423	(509.237.251)	(ii)
Chi phí trả trước dài hạn	261	-	267.468.326	(267.468.326)	(iv)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	499.893.539	546.147.697	(46.254.158)	(iii)

Công ty đã trình bày lại các chỉ tiêu bị phân loại nhầm đầu kỳ cho mục đích trình bày báo cáo tài chính theo đúng quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- (i) Phân loại lại chỉ tiêu “Tiền” và “Các khoản tương đương tiền”.
- (ii) Phân loại lại chỉ tiêu “Trả trước cho người bán” và “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”.
- (iii) Phân loại lại chỉ tiêu “Các khoản phải thu khác”, “Tài sản ngắn hạn khác” và “Các khoản phải trả, phải nộp khác”.
- (iv) Phân loại lại chỉ tiêu “Hàng tồn kho”, “Chi phí trả trước ngắn hạn” và “Chi phí trả trước dài hạn”.
- (v) Phân loại lại chỉ tiêu “Tài sản cố định hữu hình” và “Tài sản cố định thuê tài chính”.



Trương Thị Dinh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2013

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng